

mà đưa con gái út đã phạm phải trong buổi lễ misa. Ông đưa ra những luận cứ nói chỉ có một người cuồng tín như đức cha Réxtrêpô mới có thể tin vào ma quỷ ở giữa thế kỷ hai mươi này, thế kỷ ánh sáng, thế kỷ của khoa học kỹ thuật, trong đó ma quỷ đã vĩnh viễn không còn ai sợ ai tin. Nivêa ngắt lời ông, nói cái đó không phải điểm chính. Điều nghiêm trọng, theo bà, nằm ở chỗ nếu những chiến công kiểu ấy của cô con gái họ lọt ra khỏi bốn bức tường của ngôi nhà và ông cố đạo bắt đầu đi dò xét thì rồi tất cả thủ đồ này người ta sẽ biết hết.

- Rồi người ta bắt đầu tới tấp đến nhà để ngắm nhìn con bé như thể ngắm một hiện tượng lạ - Nivêa nói.

- Và thế là Đảng Tự Do đi tiêu - Sêvêrô tiếp thêm, vì ông đã nhìn thấy sự tác hại mà nó có thể gây ra cho sự nghiệp chính trị của ông nếu người ta nói có một con bé phù thủy trong gia đình.

Họ đang chuyện trò với nhau như vậy thì Vú Em, kéo lê chiếc hài sảo, với tiếng sột soạt của chiếc váy lót hồ cứng bước vào báo tin có mấy người khiêng một người chết hiện đang có mặt ở trong sân nhà. Đúng thế. Mấy người đó đi trên một chiếc xe có bốn ngựa kéo đi vào, chiếm cả một khoảng sân đằng trước, xéo nát cả mấy khóm trà mi, gót ủng làm hoen bẩn cả nền đá nhẵn sáng bóng, kéo theo sau một trận cuồng phong bụi mù, mấy tràng ngựa hí, và lời chửi rủa mấy người mê tín đang đưa tay làm những dấu hiệu của bùa phép để chống lại nhăm của bụi bay vào mắt. Bọn người này mang thi thể của ông cậu Mácôx cùng tất cả hành trang của ông tới. Một người nhỏ bé, mũm mĩm chỉ huy cả bọn âm ỉ đó, ông ta mặc áo đen, vạt đuôi tôm dài, đội một chiếc mũ quá rộng

vành, vào đến nơi liền bắt đầu một bài diễn văn trang trọng để giải thích về trường hợp của vụ này, nhưng ông ta bị Nivêa ngắt lời một cách tàn nhẫn, vì bà đã lao mình gieo người trên nắp quan tài phủ đầy bụi bẩn trong đó có thi hài của người em trai yêu quý nhất của bà. Nivêa kêu gào đòi mở nắp quan tài để được chính mắt trông thấy đứa em trai. Trước đây có lần bà đã phải chôn em trai rồi, và chính vì vậy giờ đây bà cũng vẫn thấy nghi ngờ rằng lần này cũng chưa hẳn cậu em đã thật chết rõ ràng! Nhưng tiếng kêu gào của bà làm cho bấy gia nhân trong nhà kéo tới, và tất cả các con bà đều chạy đến khi nghe thấy tiếng kêu khóc gọi tên người cậu của chúng một cách thảm hại, tang tóc.

Đã hay năm nay Clara không được gặp cậu Mácôx, nhưng cô bé vẫn nhớ kỹ cậu. Đó là hình ảnh duy nhất rõ ràng, hoàn hảo mà cô nhớ được trong thời kỳ thơ ấu và để gọi lại hình ảnh đó cô chẳng cần tra cứu lại bộ ảnh gia tộc treo trong phòng khách, ở đó cậu hiện ra trong bộ quần áo nhà thám hiểm, tựa tay vào ngọn một khẩu súng săn hai nòng kiểu cổ xưa, chân phải dận trên gáy một con hổ Malaixia, trong tư thế thắng lợi giống y như thể hình Đức Bà Đồng Trinh trên bàn thờ lớn, đứng dẫm chân trên người con quỷ đã bị đánh bại, giữa những đám mây trắng thạch cao, và một quần tiên á thánh màu xanh tái mà cô thường chú ý ngắm nhìn. Clara chỉ cần nhắm mắt lại là trông ngay thấy cậu bằng xương bằng thịt hẳn hoi, da cháy nắng bởi khí hậu khắc nghiệt của tất cả mọi miền trên trái đất, người gầy, có bộ ria kiểu cướp biển, và ở bộ ria đó nở ra nụ cười lạ lùng của cậu, với những chiếc răng

như rằng cá mập. Dường như cô không thể nào tin được cậu lại nằm trong chiếc quan tài đen đặt ở giữa vườn kia.

Mỗi lần Maccóx về thăm gia đình của bà chị Nivêa, ông ta đều ở lại chơi một vài tháng, gây cho lũ cháu một niềm vui nhộn nhạo, đặc biệt đối với Clara, và tạo nên cả một cơn phong ba lộn xộn, trong đó trật tự ngăn nắp ở trong nhà bị tiêu tan hết. Căn nhà trở nên bừa bãi, đầy những hòm xiểng, thú vật ướp khô, lao giáo của người Indiô, phao bơi của lính thủy. Tại khắp mọi góc, người trong nhà đều vấp phải những đồ vật kỳ lạ của ông, trong đó có đủ cả những loại vật chưa bao giờ ai từng trông thấy, những con vật đã làm cuộc hành trình từ những miền đất xa vắng, để cuối cùng nằm bẹp dưới nhát chổi không thương tiếc của Vú Em vun gọn vào trong một xó nhà. Cung cách sống của cậu Maccóx là kiểu sống của một loài ăn thịt sống, theo như cách nói của Sêvêrô. Cậu suốt đêm làm những động tác khó hiểu trong phòng khách mà mãi về sau này Sêvêrô mới hiểu, đó là những cuộc tập luyện nhằm hoàn thiện năng lực điều khiển và kiểm tra của ý chí tinh thần đối với cơ thể vật chất và làm cho sự tiêu hóa được hoàn hảo. Cậu làm những thí nghiệm về thuật luyện kim ở trong bếp, hun khói bốc lên từng đám đen kịt cả căn nhà, mùi khét lẹt hôi mù, và tiêu hủy trong việc đó biết bao nhiêu nổi soong để đun những chất rắn chắc mà bếp lò không làm sao nung chảy. Trong khi mọi người trong nhà cố gắng ngủ, cậu kéo lê những chiếc va li chạy suốt dãy hàng hiên, thử nghiệm những âm thanh lạnh lạnh bằng những dụng cụ man rợ, và cậu dạy nói tiếng Tây Ban Nha cho một con vẹt, mà tiếng mẹ đẻ của nó nguồn gốc ở vùng sông Amadôna. Ban ngày cậu

ngủ trên một chiếc võng chăng giữa hai cây cột của hành lang, không có gì che đậy thân hình ngoài chiếc khố, làm cho Sêvêrô hết sức khốn khổ và cáu giận, nhưng Nivêa lại tha thứ cho cậu em, bởi lẽ Maccóx đã thuyết phục được bà tin rằng đức Nadarêno cũng đã truyền bá lối đó. Clara bảy giờ tuy còn rất nhỏ vẫn nhớ rõ ràng lần thứ nhất cậu Maccóx đến với gia đình sau một chuyến viễn du trở về. Cậu đến mang theo đủ thứ như thế để ở lại suốt đời cùng gia đình cô. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, chán ngấy cái chuyện phải chường mặt ra dự những buổi trao đổi văn nghệ của những cô con gái, trong cuộc đó bà chủ nhà đánh đàn dương cầm, và chán cả việc đánh bài và ám chỉ đến những khó khăn của tất cả mọi người anh em họ hàng để tự sửa chữa mình, chán cả việc làm phụ tá trong văn phòng luật sư của Sêvêrô Đen Vadê, cậu liền mua một chiếc máy hát và đẩy nó đi khắp các phố phường với mưu mô quyến rũ cô em họ Ăngtôniêta, và dọc trên đường đi cũng làm vui công chúng bằng những bản nhạc in đĩa, chạy bằng giây cốt quay tay. Chiếc máy hát đó chỉ là một chiếc hộp cổ lỗ, có bốn bánh, nhưng được cậu sơn lại và thêm những hoa văn thủy thủ, rồi đặt thêm vào giữa một chiếc ống khói giả, của một con tàu. Thành ra trông nó tựa như một cái bếp lò than dài ngoẵng. Hộp đàn máy đó nẩy một khúc nhạc nhà binh và một điệu vanx xen kẽ, và giữa những giây phút phải quay giây cốt để máy tiếp tục chạy, con vẹt đã học nói tiếng Tây Ban Nha dù vẫn giữ nguyên giọng ngoại quốc, vẫn thu hút được thật lắm người đến nghe và làm cho họ phải thốt lên những tiếng reo thất thanh. Đồng thời con vẹt cũng dùng mỏ cặp những mảnh giấy gấp sẵn từ trong một chiếc hộp ra để bán

những điểm báo về số phận rủi may cho những người tò mò muốn biết. Những tờ giấy gấp màu hồng, màu xanh thắm, màu da trời thật rất chi tuyệt diệu, nó luôn luôn nhằm vào những điều ham muốn kín đáo nhất của khách hàng. Ngoài những tấm giấy báo về những điểm may rủi của số phận đó, cậu còn bán cả những quả bóng tí xíu làm bằng mùn cưa cho trẻ con vui chơi, lại bán cả bột thuốc chống bệnh bất lực, loại hàng cậu bán một cách thâm thì, bí mật với những khách qua đường nào mắc bệnh đó. Ý nghĩ dùng đến chiếc máy hát này nảy sinh như một phương pháp cuối cùng và tuyệt vọng của cậu Máccox mong thu hút sự chú ý của cô Ăngtôniétta, em họ, sau khi cậu đã nhiều lần thất bại trong những phương pháp tán tỉnh thông thường. Cậu nghĩ chẳng có một người phụ nữ tâm thần lành mạnh nào lại có thể thần nhiên không cảm động khi nghe một khúc ca ban chiều phát ra từ cái máy đàn tuyệt diệu đó. Vì thế, nên cậu mới mua hộp đàn máy đó và giở trò như vậy. Một buổi chiều cậu đẩy hộp đàn máy đến đứng dưới cửa sổ nhà cô em họ, vắn giấy cốt cho nổi lên bản hành khúc nhà binh và điệu vanx, trong lúc cô em họ đang uống trà cùng một nhóm bạn gái. Ăngtôniétta không biết mình là người được ám chỉ tặng nghe bản nhạc, mãi đến khi con vẹt lên tiếng gọi tên cô, lúc đó cô mới ló đầu ra cửa sổ. Phản ứng của cô không phải thứ phản ứng mà người yêu cô mong đợi. Máy cô bạn gái cô làm nhiệm vụ loan tin đó tới khắp mọi khách thính trong thành phố và, ngày hôm sau mọi người bắt đầu đi dạo các phố xá trung tâm với hi vọng được trông tận mắt người em vợ ông Sêvêrô Đen Vadê vắn giấy cốt chiếc máy hát, bán những quả bóng tí xíu bằng mùn cưa,

kèm theo một con vẹt quái quỷ, với cái thú rất đơn giản được chứng thực rằng ngay trong những gia đình sang trọng nhất cũng có những lý do chính đáng để phải hổ thẹn. Bị gia đình giận dữ phản đối, Máccox đành phải từ bỏ chiếc máy hát và chọn những phương kế ít tiếng tăm hơn để mong chinh phục được cô em họ Ăngtôniétta, nhất quyết không thôi bao vây cô. Dùng đủ mọi cách, cuối cùng cậu cũng không giành được thắng lợi, bởi vì cô gái trẻ vụt một cái cưới ngay một nhà ngoại giao già hơn cô hai mươi tuổi, và ông ta đã mang cô đi theo sang một nước nhiệt đới mà tên của nó chẳng một ai có thể nhớ, nhưng chỉ biết ở đó có người da đen, có chuối, có rừng cây panma, tại đó cô có thể tự kiêu hãnh với cái kỷ niệm về anh chàng theo đuổi mình đã hủy hoại mười bảy năm tuổi xuân trong bản hành khúc nhà binh và điệu vanx phát ra từ chiếc máy cổ lỗ của anh ta. Máccox bị chìm trong buồn nản mất hai ba ngày, sau đó cậu tuyên bố sẽ không bao giờ lấy vợ và sẽ đi chu du vòng quanh thế giới. Cậu bán chiếc máy hát cho một người mù, và để con vẹt lại cho Clara thừa kế, nhưng Vú Em đã bí mật đầu độc nó bằng một liều cao cực độ dầu gan cá thu, bởi Vú không chịu đựng được cái nhìn dâm dăng của nó, cũng như rận bọ trong người nó và những tiếng kêu chí chóe chẳng đầu vào đầu của nó để rao bán những tấm giấy báo điều may rủi, những quả bóng tí xíu bằng mùn cưa và thuốc bột chữa bệnh bất lực.

Đó là cuộc du ngoạn lâu dài nhất của Máccox. Cậu trở về với một trọng tải đồ sộ những hòm, hộp to đùng, xếp hàng đồng tại sân sau nhà, giữa chuồng gà vịt và kho chứa củi, ở giữa trời như vậy suốt mùa đông. Khi mùa

xuân chớm nở, cậu cho chuyển những hòm hộp đó tới Quảng Trường Diễu Hành, một vùng ít nhà cửa, vô cùng rộng, tại đó nhân dân thường tập hợp để xem binh lính diễu hành trong những ngày Quốc Lễ, bước đi theo những bước chân ngỗng bắt chước hết như của bọn lính người Phổ. Khi mở những hòm hộp đó ra, thấy bên trong có các bộ phận phụ tùng đủ loại, bằng gỗ, bằng kim loại hoặc bằng vải son. Mácôx mất hai tuần lễ lắp ráp những bộ phận đó lại với nhau theo như chỉ dẫn ghi trong một cuốn sách giáo khoa bằng tiếng Anh mà cậu phải tìm giải bằng sức tưởng tượng vô địch của mình và tra cứu bằng một cuốn tự điển nhỏ. Khi công việc đã kết thúc, thì ra cậu đã lắp một con chim có tầm cỡ đồ sộ của loại chim tiên sử, có khuôn mặt như chim ung dừ tợn, ở bộ phận đằng trước son mầu, có cánh tháo lắp rời, cử động được, và trên lưng có một chiếc cánh quạt. Tác phẩm đó làm chấn động dư luận. Những gia đình chớp bu đã quên câu chuyện chiếc máy hát, và Mácôx chợt trở thành một nhân vật tân kỳ của thời đại. Mọi người đều tiến hành dạo chơi ngày chủ nhật để tới quảng trường xem con chim khổng lồ, và những người bán tạp hóa, kẹo bánh và những chàng phó nháy lưu động đâm ra có việc, phát tài. Tuy vậy, sau đó ít lâu sự thú vị và chú ý của công chúng đối với con chim cũng nhạt dần. Lúc bấy giờ Mácôx mới thông báo rằng ngay sau khi thời tiết bắt đầu quang đãng, cậu sẽ cưỡi con chim bay lên và sẽ vượt qua dãy núi dài Andéx. Tin đó chỉ trong mấy tiếng đồng hồ đã lan khắp thành phố, và trở thành một sự kiện được bình luận đến nhiều nhất trong năm đó. Con chim máy đó nằm sấp bụng trên nền đất rắn, nặng nề và dãn dện, đáng vẻ giống một con vịt

bị thương hơn là một chiếc máy bay tân thời bắt đầu được chế tạo lúc đó tại Bắc Mỹ. Cái bộ dạng bên ngoài của nó tỏ ra chẳng có vẻ gì cử động được, càng không thể bốc lên cao mà bay xuyên dãy núi quanh năm phủ tuyết trắng. Phóng viên nhà báo và những người tò mò kéo đến hàng đàn hàng lũ. Mácôx giữ nguyên nụ cười bất di bất dịch trước những câu hỏi đổ xuống như mưa lũ, và lặng thinh đứng cho những tay chụp ảnh tha hồ mà bấm máy, không hề đưa ra một câu trả lời khoa-học-kỹ-thuật về cách thức mà cậu dự định tiến hành công tích của mình. Có cả những người đi xuyên qua hàng mấy tỉnh tới để xem cảnh lạ đó. Bốn mươi năm sau, người cháu của cậu là Nicôlátx, mà Mácôx không hề được biết, lại bới từ dưới đất lên cái sáng kiến bay lên không trung, nó luôn luôn tồn tại trong những con người thuộc dòng dõi cậu. Nicôlátx có ý định bay lên với mục đích buôn bán, bay lên trong một chiếc dôi bay khổng lồ bơm đầy khí nóng, có mang nhãn hiệu quảng cáo về mấy món giải khát có hơi. Còn trong thời kỳ mà Mácôx thông báo về hành trình của cậu trên máy chim bay, không một ai ngờ rằng cái sáng kiến đó sẽ có thể dùng được vào việc gì ích lợi; cậu làm việc đó chỉ do tinh thần phiêu lưu của mình. Đúng ngày mà cuộc bay được thực hiện theo như đã báo, buổi sáng hôm đó trời đầy mây, nhưng bao nhiêu khách lệ đã khiến cho Mácôx không muốn hoãn vào ngày khác. Cậu đến địa điểm thật đúng giờ và không hề ngược mắt nhìn bầu trời đầy mây sấm sét. Đông đảo dân chúng kinh hoàng, tụ họp đầy các đường phố gần cận, leo cả lên nóc nhà, chen chúc ở mọi ban-công của những nhà gần đấy, và chen lấn nhau kín cả công viên. Từ trước đến bấy giờ chưa bao giờ có



một cuộc tập trung nào có thể tập hợp được đông người đến thế, mà phải năm mươi năm sau mới có thể có được cuộc tập trung chính trị đông đúc bằng, để hoan nghênh người ứng cử viên mác-xít đầu tiên, bằng những phương pháp hoàn toàn dân chủ đã chiếm được ghế Tổng Thống nước Cộng Hòa. Clara nhớ suốt đời về ngày hôm đó. Mọi người đều vận quần áo mùa xuân, tới quảng trường trước thời gian đã ấn định mở đầu cuộc bay một chút: các ông áo lạnh trắng, còn các bà đội mũ rom kiểu Ý năm đó đang độ thịnh hành. Từng đoàn học sinh do thầy giáo dẫn đường mang hoa đến diễu hành và tặng người anh hùng. Mác-cô-x nhận hoa và nói đùa rằng hãy đứng chờ, có thể máy bay sẽ nổ tung, lúc đó sẽ lấy lại hoa để đưa ma cho mình. Đúc cha đạo cũng đích thân tới không cần ai mời. Ông đi cùng hai tu sĩ cầm cây hương để làm lễ ban phúc lành cho con chim, và ban nhạc của bảo an binh tấu nhạc vui, không cần ai yêu cầu, để cho dân chúng thưởng thức. Cảnh binh, cưỡi ngựa mang giáo, phải vất vả mới giữ được đám đông đứng cách xa trung tâm công viên, nơi Mác-cô-x mặc một chiếc áo yếm của công nhân, đeo kính to sụ của những tuyến thủ đua mô-tô và cái dáng vẻ kỳ lạ của nhà thám hiểm. Cậu mang theo để dùng trong chuyến bay nào kim chỉ Nam, một ống viễn kính, và vô số bản đồ hàng không kỳ lạ mà chính cậu đã vẽ lấy, dựa trên những lý thuyết của Lêônácđô Đơ Vinxi và trên cơ sở những hiểu biết thiên văn của người Inca. Trái ngược với tất cả mọi lô-gích, đến lần mở máy chuyển động thứ hai, con chim bay lên không vướng mắc gì và lại còn có vẻ hào hoa lộng lẫy, từ trong bộ xương của nó vang ra tiếng cọt két và tiếng rú âm âm của chiếc động cơ. Nó bay vút lên, đôi cánh vẫy vẫy rồi

mất hút vào trong mây, giữa những tràng vỗ tay rầm rĩ tiễn biệt, những tiếng huýt sáo, những chiếc khăn vung vẩy, những lá cờ tung bay, và những hồi kèn trống của ban nhạc, và những giọt nước phép vẩy tung để đem đến phúc lành. Trên mặt đất lúc đó những người có học vấn nhất đứng lại bình luận về sự kiện tuyệt diệu vừa xảy ra, mong muốn lý giải được điều huyền diệu ấy. Clara tiếp tục đắm đắm nhìn trời sau khi cậu Mác-cô-x đã khuất trong mây không còn trông thấy. Cô bé cho rằng mình đã nhìn thấy cậu mười phút sau đó, nhưng đấy chỉ là một con chim sẽ bay qua. Ba ngày sau, chuyện huyền ảo gây ra bởi chuyến bay thứ nhất trong nước tiêu tan dần, rồi không còn ai nhớ đến việc đó nữa, trừ có Clara, cô vẫn luôn luôn nhìn ngắm theo dõi không mệt mỏi những điểm cao và cả bầu trời.

Sau một tuần không có tin tức gì về ông cậu phi hành gia, người ta cho rằng cậu đã bay lên cao độ mất hút trong vũ trụ, và những kẻ ngu dốt nhất còn nghĩ ra rằng có thể cậu đã bay lên đến mặt trăng. Sê-vê-rô Đen Vadê thì nửa buồn nửa nhẹ nhõm quả quyết cho rằng ông em vợ đã cùng chiếc máy quái gở rơi xuống một khe núi nào đó trong dãy Andê-x trùng điệp, nơi mà không bao giờ có thể đến mà tìm thấy được, Nivê-a khóc lóc thảm thiết và đi thấp nển tại nhà thờ Săng Ăng-tôn-inô, thánh chủ của những cuộc phân ly, mất mát. Sê-vê-rô phản đối ý định đi làm lễ cầu hôn cho cậu, bởi ông cho rằng cái đó không phải là phương pháp để làm cho cậu bay tới được mặt trời và càng không thể khiến cho cậu quay về với trái đất, rồi ông bảo vệ quan niệm tất cả những buổi lễ misa, những buổi lễ dâng vật phẩm, cũng như tất cả những cuộc rửa